

CÁC PHIÊN BẢN KINH KIM QUANG MINH (Suvarṇaprabhāsottamasūtra)

Biên soạn: **Dr. Radha Banerjee**

Dịch Anh sang Việt: **Tống Phước Khải**



Thủ bản Pothi kinh Kim Quang Minh bằng tiếng Khotan (số hiệu Or.9609A/1.1)

Kinh Kim Quang Minh là một bộ kinh Đại thừa phổ biến của Phật giáo. Thời điểm ra đời ban đầu của bộ kinh này vẫn chưa được rõ, tuy nhiên sự khám phá ra các mảnh thủ bản cho thấy niên đại của bộ kinh không thể trẻ hơn thế kỷ thứ 5 tây lịch.

Bản dịch tiếng Sanskrit sớm nhất của bản kinh được cho là nguyên thủy được ghi bằng thứ tiếng Sanskrit tạp (BHS), có xuất xứ từ vùng Trung Á - Trung Hoa (Tân Cương) và Nepal. Kinh Kim Quang Minh tại Nepal được xem là một trong chín Pháp. “Chín Pháp” không phải là tạng kinh của một trường phái nào, mà là nhiều tập sách được biên soạn trong những thời điểm khác nhau. Tất cả công trình này được gọi là “Vaipuyā Sūtra” (Kinh Phương Đẳng). Điều đáng lưu ý là tại Nepal chín kinh này nhận được sự tôn kính sâu sắc. Tên của kinh này không có sự thống nhất. Thủ bản Nepal gọi tên là **Suvarṇaprabhāsottama**, Giáo sư Nobel thì lại sử dụng tên **Suvarṇabhāsottama**.

Tầm quan trọng của kinh Kim Quang Minh đối với Phật giáo Đại thừa được thể hiện qua khối lượng đồ sộ các bản dịch và thủ bản còn nguyên vẹn hoặc các mảnh rời. Kinh này không những được dịch sang tiếng Trung Hoa, Tây Tạng mà còn dịch qua nhiều thứ tiếng khác như Duy Ngô Nhĩ (Uighur), Mông Cổ (Mongol), Túc Đặc (Sogdian), Vu Điền (Khotanese), Đẳng Hạng (Tangut). Kinh Kim Quang

Minh đóng một vai trò quan trọng trong văn hóa Nhật Bản vào thế kỷ thứ 7. Học giả hành hương nổi tiếng của Trung Hoa, sư Nghĩa Tịnh (635-713) là người đã làm cho kinh Kim Quang Minh được truyền bá rộng rãi. Có các phiên tiếng Tây Tạng, Duy Ngô Nhĩ, Túc Đặc và Đẳng Hạng căn cứ trên bản dịch của ông.

Nội dung của kinh tổng hợp các giáo lý, bao gồm sám hối ở chương ba, và sau đó được mở rộng bằng sự bổ sung chuyện tiền thân con hổ đói, rồi diễn giải về tính không, nhân duyên, ý tưởng chính trị vương quyền, chương về y dược và bàn luận sơ qua về mật giáo bao gồm các đà la ni.

Quãng thời gian kể từ bản tiếng Phạn được biết đầu tiên cho đến bản dịch Hán ngữ cuối cùng ước tính ít nhất khoảng nửa thiên niên kỷ. Phiên bản tiếng Phạn có từ hai nguồn: (1) Các mảnh thủ bản được tìm thấy ở Trung Á - Trung Hoa; (2) Các thủ bản tại Nepal. Bản tiếng Phạn của kinh Kim Quang Minh được biên tập lần đầu tiên vào năm 1898 tại Calcutta, Ấn Độ bởi hai tác giả S.C. Das và S.C. Shastri. Một phiên bản tiếng Nhật cũng được soạn thảo bởi Nanjio và được xuất bản bởi môn đồ của ông là Izumiin vào năm 1931.

Giáo sư Nobel đã thực hiện việc phân tích cấu trúc văn bản tiếng Phạn, so sánh với phiên bản Hán cổ nhất, nhằm xác định xem phần nào thuộc kinh nguyên thủy.

Kinh Kim Quang Minh được lưu trữ thông qua số lượng lớn những bản chép tay bằng nhiều loại ngôn ngữ Trung Á khác nhau. Thư viện Anh quốc lưu giữ 8 mảnh thủ bản kinh Kim Quang Minh rất cổ có nguồn gốc từ Fārhād Beg Yailiki. Một mảnh thủ bản nhỏ không còn nguyên vẹn được in block kiểu bản xếp của kinh này được khai quật trong chuyến thám hiểm của người Đức đầu tiên tại Trung Á, Grunwedel (1902-1903). Ngay sau khi khám phá, bản kinh đã được nghiên cứu và ấn hành bởi Heinrich Stonner vào năm 1904. Từ đó trở đi, bản kinh dần dần được nhiều học giả người Đức khác nghiên cứu. Trong danh mục của mình, Ernest Waldschmidt đã biên tập bản kinh rất kỹ lưỡng. Trong thời gian gần đây (2004) Akira Yuyama đã khảo sát tất cả các thủ bản Trung Á.

Phiên bản tiếng Duy Ngô Nhĩ của kinh này có hai bộ sưu tập chính: bộ Altun Yaruq (hiện được bảo tồn tại Viện Vostokovedeniya, St. Petersburg) và bộ Turfansammlung. Bộ thứ nhất đã được biên dịch sang Hán ngữ vào thế kỷ thứ 10.

Trong Đại Tạng Kinh Hán ngữ có 3 bản dịch hoàn chỉnh của kinh Kim Quang Minh (Đại Chánh Tạng, Vol. 16, No. 663-665). Bản thứ nhất được dịch bởi Dharmakṣema (Pháp Phong) [tức pháp hiệu của sư Đàm Vô Sám; một số từ điển ghi là Dharmarakṣa; ND). Bản thứ hai là một bản tổng hợp (hợp bộ kim quang minh kinh) được biên soạn bởi Bảo Quý vào năm 597. Bản sau cùng được dịch bởi học giả hành hương nổi tiếng, sư Nghĩa Tịnh. Kể từ bản gốc, kinh Kim Quang Minh đã trải qua nhiều sự thay đổi và sự khác biệt dần tăng lên theo thời gian.

Tại Nhật Bản, kinh Kim Quang Minh rất được xem trọng. Dưới sự bảo trợ của Hoàng gia, bốn bản kinh đã được dịch ra tiếng Nhật bởi Jinamitra, Sillendrabodhi và những dịch giả khác.

Các bản dịch tiếng Tây Tạng từ kinh bản tiếng Phạn đã được tổng hợp và biên tập bởi giáo sư Nobel. Bản tiếng Tây Tạng đầu tiên được dịch bởi Sud-gu-soka và Jnanakumara vào nửa đầu thế kỷ thứ 8. Bản thứ hai được dịch bởi Jinamitra, Silendrabodhi và Yesesde vào đầu thế kỷ thứ 9. Các bản kinh thuộc Chính Tạng “Kanjur” do Nobel sử dụng cho thấy có hai phiên bản: một phiên bản được thuộc về Hồng Tạng (Kanjur đỏ) được in block lưu trữ tại thư viện quốc gia - Paris và Tạng “Kanjur” chép tay lưu trữ tại thư viện quốc gia Phổ - Berlin. Phiên bản sau đã đã hiệu đính, lại có trong Hồng Tạng được lưu trữ tại Đại học Cambridge. Song song với các bản được dịch từ tiếng Phạn, cũng có những bản được dịch từ tiếng Trung Hoa.

Thư viện Hàn lâm Quốc tế Văn hóa Ấn Độ có một bản khắc gỗ của kinh Kim Quang Minh tiếng Mông Cổ. Thư viện Quốc gia Ấn Độ lưu giữ một bản chép tay của kinh này.

Kinh Kim Quang Minh có mối tương quan mật thiết với các kinh Đại thừa khác, thể hiện sự chuyển biến rõ nét so với giáo lý của Đức Phật thời kỳ đầu. Bên cạnh đó, kinh Kim Quang Minh chứa đựng sự đồng nhất tư tưởng với Bát Nhã Ba La Mật Đa về Tính Không.

Dịch xong 15/10/2014